

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất của Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Thái Nguyên ngày 24/9/2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 524/TTr-SNNMT ngày 20/11/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Thái Nguyên (Địa chỉ tại số 2, đường Chu Văn An, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên) được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên công trình: Công trình cấp nước sinh hoạt Nam Tiến.
- Mục đích khai thác nước: Sản xuất cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên.
- Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: Tổ dân phố Giữa, tổ dân phố Chùa và tổ dân phố Trại, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên.

4. Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước khe nứt trong đá Trias trên (t_3); tầng chứa nước không áp.

5. Tổng số giếng khai thác: 06 giếng khoan.

6. Tổng lưu lượng nước khai thác: $500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

7. Thời hạn của giấy phép là: 05 năm, kể từ ngày 29/9/2025.

8. Chế độ khai thác của công trình: 365 ngày/năm.

9. Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ (Hệ VN2000, Kinh tuyến trục $106^030'$ múi chiều 3^0)		Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X (m)	Y (m)	Từ	Đến		
GKNT.1	2367059	434172	30,0	50,0	25,0	t_3
GKNT.2	2366381	434687	30,0	50,0	25,0	t_3
GKNT.3	2367055	434905	30,0	50,0	25,0	t_3
GKNT.4	2367197	434880	30,0	50,0	25,0	t_3
GKNT.5	2367496	434667	30,0	50,0	25,0	t_3
GKNT.6	2367837	434679	30,0	50,0	25,0	t_3

(Có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo)

Điều 2. Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Thái Nguyên có trách nhiệm:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Lắp đặt thiết bị và thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định.
3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định.
5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước.
6. Thực hiện đầy đủ các quy định về bảo vệ nước dưới đất trong quá trình khai thác, trám lấp giếng khoan không sử dụng theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; bảo vệ nguồn nước do mình trực tiếp khai thác, sử dụng.

7. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố bất thường xảy ra liên quan đến hoạt động khai thác nước dưới đất như sụt lún mặt đất, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

8. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép; chịu trách nhiệm trước pháp luật về những ảnh hưởng bất lợi của công trình đến xã hội và môi trường.

9. Trường hợp phát sinh mục đích khai thác, sử dụng nước khác hoặc phải điều chỉnh các nội dung của Giấy phép thì phải lập ngay hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất và hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

10. Nộp thuế tài nguyên (nếu có) và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

11. Hằng năm, trước ngày 30 tháng 01, tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này.

Điều 4. Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Thái Nguyên được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chậm nhất 45 ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Thái Nguyên còn nhu cầu khai thác, sử dụng nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục xin gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Thuế tỉnh Thái Nguyên;
- UBND phường Vạn Xuân;
- Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Thái Nguyên;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh TN (đăng tải);
- Lưu: VT, CNN&XD.

Hanhh/11/2025

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

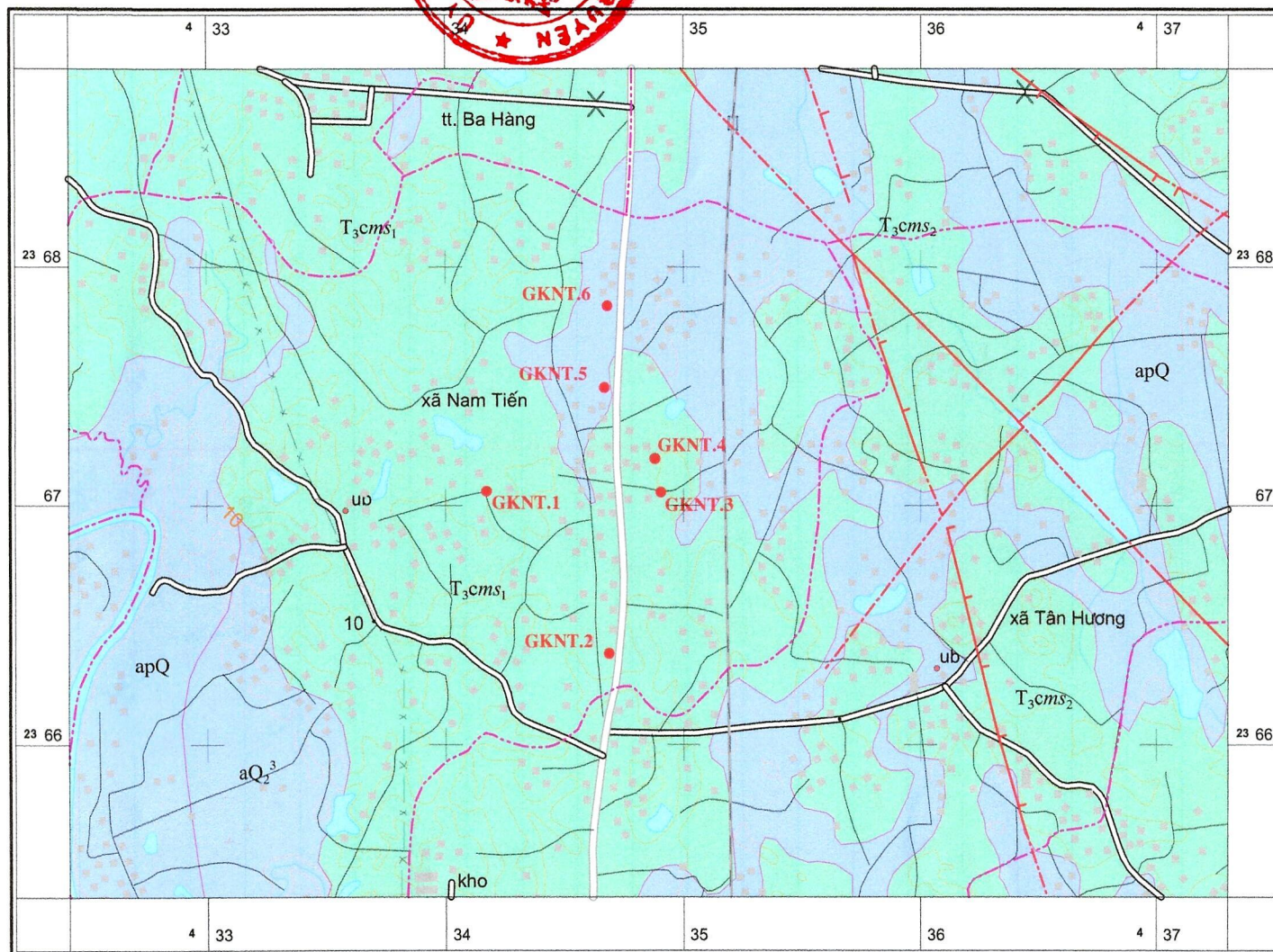


Nguyễn Thị Loan

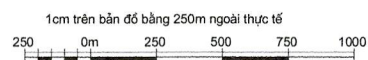
SƠ ĐỒ KHU VỰC VÀ VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SINH HOẠT NAM TIẾN

VỊ TRÍ: TỔ DÂN PHỐ GIỮA, TỔ DÂN PHỐ CHÙA VÀ TỔ DÂN PHỐ TRẠI, PHƯỜNG VAN XUÂN, TỈNH THÁI NGUYÊN
(Kèm theo Giấy phép số 1010/GP-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên)



TỶ LỆ 1:25.000



CHÚ GIẢI

- 10 Đường đồng mức, độ cao
- Ranh giới xã, thị trấn
- Đường giao thông
Đường sắt
- Sông, suối, hồ
- Ranh giới ĐCTV, tuổi ĐC
- Đứt gãy:
a - Xác định; b - Giả định; c - Dưới Đệ tứ
- a - Đứt gãy thuận
b - Đứt gãy chòem nghịch
- Hộ dân cư
- Giếng khoan

Tọa độ giếng khoan

STT	Số hiệu giếng	Tọa độ VN-2000 (KTT 106°30' múi chiếu 3°)	
		X(m)	Y(m)
1	GKNT.1	2367059	434172
2	GKNT.2	2366381	434687
3	GKNT.3	2367055	434905
4	GKNT.4	2367197	434880
5	GKNT.5	2367496	434667
6	GKNT.6	2367837	434679